**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**Lớp 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | CHÂU ÂU  0.5 điểm TN = 10% | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  – Đặc điểm tự nhiên  – Đặc điểm dân cư, xã hội | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  – Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga).  – Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa.  – Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. | 2TN |  |  |  |
| 2 | CHÂU Á  1.5 điểm TN  0.5 điểm TL  = 40% | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  – Đặc điểm tự nhiên  – Đặc điểm dân cư, xã hội  – Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  – Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  – Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  – Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á  **Thông hiểu**  – Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Vận dụng cao**  – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). | 6TN |  |  | 1TL |
| 3 | CHÂU PHI  2.5 diem TL  = 50% | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi  – Đặc điểm tự nhiên  – Đặc điểm dân cư, xã hội  – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  – Khái quát về Cộng hoà Nam Phi | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.  **Thông hiểu**  – Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi: địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  – Phân tích được một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...  – Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi: tăng nhanh dân số; vấn đề nạn đói; vấn đề xung đột quân sự,...  **Vận dụng**  – Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.  **Vận dụng cao**  – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây. |  | 1TL | 1TL |  |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu  TNKQ | 1 câu TL | 1 câu TL | 1 câu TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**Lớp 7**

**Phân môn Địa lí**

1. **TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)**

**Câu 1.** Đới khí hậu cực và cận cực của Châu Âu phân bố ở khu vực

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đông Âu. | B. Tây Âu. |
| C. Bắc Âu. | D. Nam Âu. |

**Câu 2.** Trong cơ cấu dân số theo độ tuổi của Châu Âu, tỉ trọng dân số dưới 15 tuổi đang có xu hướng

|  |  |
| --- | --- |
| A. tăng. | B. giảm. |
| C. tăng chậm. | D. không thay đổi. |

**Câu 3**. Châu Á có số dân

|  |  |
| --- | --- |
| A. đông nhất thế giới. | B. đông thứ hai thế giới. |
| C. đông thứ ba thế giới. | D. đông thứ tư thế giới. |

**Câu 4.** Khu vực Nam Á là nơi ra đời của những tôn giáo nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ki-tô giáo và Ấn Độ giáo. | B. Hồi giáo và Ki-tô giáo. |
| C. Hồi giáo và Ấn Độ giáo. | D. Phật giáo và Ấn Độ giáo. |

**Câu 5.** Khu vực có mật độ dân số cao nhất ở Châu Á là

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đông Á. | B. Đông Nam Á. |
| C. Nam Á. | D. Tây Nam Á. |

**Câu 6.** Đồng bằng Lưỡng Hà nằm ở khu vực

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đông Á. | B. Nam Á. |
| C. Đông Nam Á. | D. Tây Nam Á. |

**Câu 7.** Thực vật chủ yếu ở Đông Nam Á là

|  |  |
| --- | --- |
| A. rừng ôn đới ẩm. | B. rừng nhiệt đới ẩm. |
| C. rừng nhiệt đới khô. | D. rừng ôn đới khô. |

**Câu 8.** Các đô thị đông dân của Châu Á phân bố chủ yếu ở các khu vực nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đông Á và Tây Nam Á. | B. Nam Á và Trung Á. |
| C. Đông Nam Á và Trung Á. | D. Đông Á và Đông Nam Á. |

**B. TỰ LUẬN (3.0 điểm)**

**Câu 1 (1.5 điểm)**

a. Trình bày đặc điểm khí hậu châu Phi.

b. Dân số châu Phi tăng nhanh gây khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của châu lục.

**Câu 2 (1.5 điểm)**

a. Trình bày cách thức người dân Châu Phi khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo ẩm.

b. Kể tên một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản.

**---------Hết--------**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | C | B | A | D | C | D | B | D |

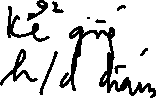
**B. TỰ LUẬN (3.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1**  **(1,5 điểm)** | **a. Trình bày đặc điểm khí hậu châu Phi.** | **0.75** |
| - Châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới. | 0,25 |
| - Nhiệt độ trung bình năm luôn trên 20­­­0C. | 0,25 |
| - Lượng mưa tương đối ít và giảm dần từ xích đạo về phía hai chí tuyến. | 0,25 |
| **b. Dân số châu Phi tăng nhanh gây khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của châu lục.** | **0.75** |
| - Làm chậm quá trình phát triển kinh tế. | 0,25 |
| - Chất lượng cuộc sống của người dân ở một số quốc gia còn thấp, gây áp lực lên nguồn cung lương thực. | 0,25 |
| - Làm suy giảm một số tài nguyên… | 0.25 |
| **2**  **(1,5 điểm)** | **a. Trình bày cách thức người dân Châu Phi khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo ẩm.** | **1.0** |
| - Đã khai thác tài nguyên đất, nước, rừng để trồng cà phê, cao su, ca cao, … để xuất khẩu.  - Khai thác và xuất khẩu dầu mỏ, bô xít, …. | 0.5  0.5 |
| **b. Kể tên một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản.** | **0.5** |
| Dệt may, thủy sản, đồ gỗ, điện thoại di động…  *(Học sinh kể được đúng 3 mặt hàng trở lên thì cho điểm tối đa)* | 0.5 |

**Câu 1. (1.5 điểm)**



a. Đặc điểm khí hậu châu Phi. (0.75 điểm)



- Châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới.

- Nhiệt độ trung bình năm luôn trên 20­­­0C.

- Lượng mưa tương đối ít và giảm dần từ xích đạo về phía hai chí tuyến.

b. Dân số châu Phi tăng nhanh gây khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của châu lục:



- Làm chậm quá trình phát triển kinh tế.

- Chất lượng cuộc sống của nười dân ở một số quốc gia còn thấp, nạn đói, gây áp lực lên nguồn cung lương thực.



- Làm suy giảm một số tài nguyên, gia tăng ô nhiễm môi trường.



**Câu 2 (1.0 điểm)**

Cách thức người dân Châu Phi khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo ẩm:

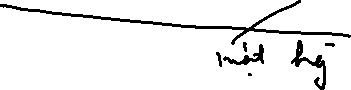
- Con người ở môi trường này đã khai thác tài nguyên đất, nước, rừng để trồng cà phê, cao su, ca cao, … để xuất khẩu; khai thác và xuất khẩu dầu mỏ, bô xít, ….



- Hạn chế: Làm cho diện tích rừng giảm sút, đất đai bị thoái hoá, ô nhiễm môi trường gây trở ngại lớn tới đời sống của người dân ở môi trường này.



**Câu 3 (0.5 điểm)**



Dệt may, thủy sản, đồ gỗ, điện thoại di động…

*(Học sinh kể được đúng 3 mặt hàng trở lên thì cho điểm tối đa)*

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com